

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HN&GD-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v : *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Đỗ Thị Hạnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Minh và Bà Đỗ Thị Ái Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 12/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2021/TLST-HN&GD ngày 15/11/2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 09/03/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐHPT-HN&GD ngày 05/04/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐXX-ST ngày 22/4/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Đ - sinh năm 1941

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1953

Đều ĐKKHKT, trú tại: Thôn Thanh L, xã Cộng H, huyện KT, tỉnh HD.

( Ông Đ có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, ông Đ trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/11/2006 tại UBND xã Cộng H, huyện KT, tỉnh HD. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bà T, cuộc sống vợ chồng thực sự hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ngày giỗ tết ông muốn về thăm

con cháu nhưng bà T không đồng ý cho ông về nên vợ chồng to tiếng, xúc phạm nhau, có lần bà T còn gấp quần áo của ông ra sân để đuổi ông đi. Do đó, từ cuối năm 2014 ông đã về nhà riêng ở thôn Thanh L, xã Cộng H, huyện KT để ở, vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bà T và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Toà án đã về trực tiếp gia đình bà Nguyễn Thị T ở thôn Thanh L, xã Cộng H, huyện KT, tỉnh HD để lấy lời khai của bà T: *Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2022 bà T xác định:* Bà và ông Đ kết hôn ngày 03/11/2006 tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Thời điểm bà và ông Đoàn kết hôn, các con của ông Đ không đồng ý nên sau khi kết hôn bà đón ông Đ về nhà bà chăm sóc, ông Đ về ở cùng bà được 8 năm, đến năm 2014 ông Đ về nhà riêng của mình ở, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đến khoảng tháng 9 năm 2021, ông Đoàn có nói mượn chứng minh nhân dân để ông Đ vay tiền tại Ngân hàng, bà cho mượn, khoảng 02 ngày sau ông Đoàn mang chứng minh nhân dân trả và nói xin lỗi vì các con không đồng ý nên vợ chồng phải ly hôn, do bà không đồng ý nên ông Đ đã xé tờ đơn đi. Nay ông Đ có đơn ly hôn, bà xác định nếu ông Đ muốn ly hôn bà thì vợ chồng sẽ gặp trực tiếp tại Tòa án. Về con chung: Bà T xác định vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án xác minh tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành xác định: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường và trú tại địa phương. Ông Đ và bà T kết hôn ngày 03/11/2006 tại UBND xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn ông Đ về sinh sống tại nhà riêng bà Thanh, quá trình chung sống ông Đ và bà T có mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được cụ thể, tuy nhiên hai ông bà không ở cùng nhau từ nhiều năm nay, ông Đ về nhà riêng của ông Đ ở do bà T vắt quần áo của ông Đ ra sân.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Phạm Thị Th (con gái ông Đ) thể hiện: Năm 2005 mẹ đẻ chị mất, năm 2006 bố chị kết hôn cùng bà T. Sau khi kết hôn ông Đ về sống tại nhà bà T, quá trình chung sống chị được biết giữa bố chị và bà T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà T không tôn trọng ông Đ, những ngày giỗ tết ông Đ muốn về thăm con cháu nhưng bà T không đồng ý,

bà T không quan tâm đến các con của chồng nên ông bà thường xuyên to tiếng với nhau. Từ cuối năm 2014, ông Đ dọn về sống ở nhà riêng, không thấy bà T qua lại và quan tâm gì đến ông Đ. Nay ông Đ muốn ly hôn bà T, chỉ đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho ông Đ vì ông hiện tuổi cao sức yếu nên cần ở bên các con để nương tựa, chăm sóc lúc ốm đau.

Tại phiên tòa: Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà T. Ông Đ xác nhận việc bà T khai ông xé tờ đơn ly hôn đi là không đúng, vì thời điểm đó ông đã muốn ly hôn với bà T và có cầm đơn đến bảo bà T ký nhưng bà T tự ý xé đơn đi. Ông xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ rất lâu không còn tình cảm nữa. Bản thân ông cũng đã từng lập gia đình trước khi đến với bà T nhưng đến năm 2005 thì vợ ông chết nên năm 2006 ông kết hôn với bà T để mong có người bên cạnh yêu thương, chăm sóc lúc tuổi già. Nhưng quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được hơn một năm đầu, sau đó thì bà T có những lời nói, thái độ coi thường ông và gia đình ông, không cho ông về thăm con cháu, kể cả những ngày tết, ngày giỗ bố mẹ ông thì bà T cũng không cho về mặc dù hai nhà ở cùng thôn, hơn nữa bà T lại có xích mích với các con của ông nên cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà T ngày càng mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Mỗi lần ông cố tình về thăm các con thì khi quay về bà T đều tỏ thái độ giận dữ và vợ chồng lại to tiếng với nhau. Đến điểm vào cuối năm 2014 khi vợ chồng to tiếng với nhau cũng chỉ vì việc ông về thăm con cháu thì bà T vắt hết quần áo của ông ra ngoài sân, muốn đuổi ông đi nên ông đã về nhà ông ở từ cuối năm 2014, vợ chồng cũng chính thức ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Bà T cũng chỉ duy nhất 1 lần đến gặp ông khi ông bị ốm, bản thân ông cũng không còn quan tâm tới bà T nữa. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống cùng bà T, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị sớm được ly hôn với bà T. Bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho ông Đ được ly hôn bà T. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản

chung, nợ chung: Ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: ông Đoàn được miễn tiền án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà ngày 05/04/2022 bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên toà hôm nay bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của ông Đ thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà T là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra to tiếng, xúc phạm nhau vì bà T không cho ông Đ về thăm con cháu. Từ cuối năm 2014 ông Đ bỏ về nhà riêng sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau mặc dù nhà bà T và nhà ông Đ ở cùng thôn với nhau. Ông Đ xin ly hôn bà T, bà T xác định nếu ông Đ muốn ly hôn bà thì vợ chồng sẽ gặp nhau trực tiếp tại Tòa án nhưng trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì bà T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án nhưng bà T đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án hòa giải; thể hiện việc bà T bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ, ông Đ vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Đ và bà T không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ thuộc đối tượng người cao tuổi, ông Đ có đơn xin miễn tiền án phí nên ông được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Đ, vắng mặt bà T. Ông Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cộng Hoà, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đỗ Thị Hạnh**

